TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS - ST.
Ngày: 05- 7- 2022.
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Nguyễn Phương Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Thạch R, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Thanh B trình bày:

Vào khoảng tháng 04-05 năm 2020 ông Thạch R có chạy cò đất cho xe ông cụ thể tìm chủ muốn thuê ủi đất, lãnh đất, thu tiền và được hưởng phần trăm hoa hồng. Ông R tìm được nhiều chủ đất, khi làm xong đã thu tiền và giao nộp đầy đủ cho ông. Tuy nhiên, trong đó có hai chủ đất xin thiếu lại là 7.000.000 đồng (trong đó ông Dương D là 2.000.000 đồng và Thạch S là 5.000.000 đồng) và hẹn đến thu hoạch sẽ trả và đến tháng 09/2020 hai hộ trên đã giao số tiền trên cho ông R để trả cho ông nhưng ông R không trả. Mặt khác, ông thừa nhận có nhận của ông R hai lần với số tiền 3.500.000 đồng nhưng là tiền trả tiền mua ghe, không phải trả tiền của ông Dương D cho ông. Nếu ông Rcho rằng ông vi phạm hợp đồng mua bán ghe thì có quyền thưa kiện ông.

Hai số tiền này hoàn toàn khác nhau nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Thạch R phải trả cho ông 7.000.000 đồng.

Nay ông Lê Thanh B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông R phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền là 7.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Thạch R trình bày:

Về thời gian thủ tục thỏa thuận giống như lời trình bày của nguyên đơn. Nay ông thừa nhận vào năm 2020 ông có nhận của ông Dương D là 2.000.000 đồng và ông Thạch S5.000.000 đồng để trả cho ông B. Sau khi nhận tiền, ông không nhớ rõ ngày tháng năm nào tại bùng binh đường vô chùa Nước Mặn có trả cho ông B 2.000.000 đồng tiền ông Dương D gởi, khi giao không có người làm chứng cũng như giấy tờ gì; còn 5.000.000 đồng của ông Thạch Sông chưa trả cho ông B. Tuy nhiên, giữa ông và ông B có hợp đồng mua bán ghe với giá 3.500.000 đồng, khi thỏa thuận hai bên thống nhất chiếc ghe phải chạy được và ông đã giao cho ông B trước 1.500.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng chưa giao. Nhưng khi lấy ghe, chạy nửa đường thì ghe không hoạt đồng, ông điện thoại báo cho ông B nhưng kéo dài cho đến nay.

Do đó, hiện nay ông nợ ông B 5.000.000 đồng tiền của ông Thạch Snhưng phải khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng tiền mua ghe. Còn lại 3.500.000 đồng, ông thống nhất trả cho ông B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có giải thích cho ông về quyền yêu cầu phản tố trong vụ án cụ thể số tiền 7.000.000 đồng là tranh chấp đòi lại tài sản; số tiền 1.500.000 đồng là tiền mua ghe. Hai khoản tiền khác nhau và tranh chấp khác nhau nên nếu yêu cầu khấu trừ 1.500.000 đồng, ông phải có đơn yêu cầu phản tố trong vụ án này. Tuy nhiên, trong vụ án này ông khẳng định không có yêu cầu phản tố về số tiền 1.500.000 đồng vì ông B thưa ông, ông không thưa, chuyện thưa là của ông B.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh B về việc buộc ông Thạch R phải có trách nhiệm trả cho ông B số tiền là 7.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Rphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng vào khoảng tháng 04 -05 năm 2020 bị đơn có chạy cò đất cho xe ông cụ thể tìm chủ muốn thuê ủi đất, lãnh đất, thu tiền và được hưởng phần trăm hoa hồng; trong quá trình thỏa thuận bị đơn đã nhận của ông Dương D 2.000.000 đồng; ông Thạch S5.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có nhận của ông Dương D 2.000.000 đồng; ông Thạch S 5.000.000 đồng để trả cho nguyên đơn. Đối chiếu với khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 7.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận có nhận 3.500.000 đồng nhưng là tiền mua bán ghe. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng mà ông đã nhận từ ông Dương D và ông đã trả 1.500.000 đồng tiền mua ghe cho ông B yêu cầu khấu trừ nên tại phiên tòa ông chỉ đồng ý trả cho ông B 3.500.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 15/4/2022 Tòa án nhân dân huyện Long Phú có ban hành thông báo bổ sung tài liệu chứng cứ yêu cầu bị đơn phải cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh có trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng mà ông đã nhận từ ông Sơn D nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh đã trả cho nguyên đơn 2.000.000 đồng nhận từ ông Dương D. Mặt khác, Tòa án yêu cầu bị đơn phải làm đơn yêu cầu phản tố đối với hợp đồng mua bán ghe giữa bị đơn và nguyên đơn vì bị đơn thừa nhận còn nợ ông B 5.000.000 đồng nhận từ ông Sọn nhưng phải khấu trừ 1.500.000 đồng tiền mua ghe mà bị đã trả cho ông B. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn không có yêu cầu, từ chối quyền phản tố của mình. Mặt khác, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng là tranh chấp đòi lại tài sản; số tiền nguyên đơn thừa nhận có nhận của bị đơn 3.500.000 đồng là tiền mua ghe là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Hai khoản tiền khác nhau và tranh chấp khác nhau nên bị đơn phải có đơn yêu cầu phản tố trong vụ án này nhưng bị đơn không có yêu cầu, từ chối quyền phản tố của mình, do đó đối với số tiền 3.500.000 đồng nguyên đơn nhận từ bị đơn sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu. Từ phân tích nêu trên đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng và xét thấy bị đơn là người có lỗi để vi phạm hợp đồng, đến thời hạn không thực hiện đúng theo hợp đồng nên đối chiếu với Điều 280, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 7.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Thạch R phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Thanh B số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Thanh B cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Thạch R không trả số tiền nêu trên cho ông Lê Thanh B thì hàng tháng ông Thạch R còn phải trả cho ông Lê Thanh B số tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Thạch R phải chịu 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Lê Thanh B không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyệnLong Phú;
- TA tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS,VP).

Dương Thị Thanh Hoa